

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****V/v: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tập đoàn****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Ngày 26/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 (“**Luật Doanh nghiệp 2014**”).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 và tình hình thực tế hoạt động của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“**Tập đoàn**”), Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) đã rà soát, xem xét điều chỉnh một số điều khoản trong Điều lệ Tập đoàn. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét và thông qua các điểm sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ Tập đoàn như nêu dưới đây.

**1. Sửa và bổ sung Điều 1:**

Sửa định nghĩa về “**Công Ty Con**” để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

Sửa định nghĩa về “(các) **Cổ Đông**” để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

Bổ sung định nghĩa về “**Kiểm soát viên**” để phù hợp với thuật ngữ sử dụng trong Luật Doanh nghiệp 2014.

2. **Sửa điều 3.1:** Sửa tên viết tắt của Tập đoàn để phù hợp với tình hình thực tế và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

3. **Bổ sung Điều 4.1(ii):** Bổ sung mục tiêu hoạt động của Tập đoàn cho phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn.

4. **Bổ sung Điều 4.2:** Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

5. **Sửa Điều 7.3:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

6. **Sửa Điều 7.4:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

7. **Sửa Điều 8.2(i):** Để phù hợp với thuật ngữ sử dụng trong Luật Doanh nghiệp 2014.

8. **Sửa và bổ sung Điều 8.4:** Để làm rõ nguyên tắc xác định số cổ phần của mỗi đại diện theo ủy quyền trong trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi đại diện theo ủy quyền và để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

9. **Sửa Điều 10.2(iii):** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

10. **Sửa Điều 10.3:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

11. **Sửa Điều 10.4(v):** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

12. **Sửa Điều 12.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

13. **Sửa Điều 12.5:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về trách nhiệm của chủ sở hữu cổ phiếu khi cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác.

14. **Sửa Điều 12.7:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

15. **Sửa Điều 20.2(iii):** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
16. **Sửa Điều 20.2(v):** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
17. **Bổ sung nội dung Điều 22.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về trách nhiệm của người triệu tập cuộc họp ĐHCĐ.
18. **Bổ sung nội dung Điều 22.3:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về việc gửi các tài liệu họp ĐHCĐ.
19. **Bổ sung Điều 23.1:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về việc bầu chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ.
20. **Sửa đổi Điều 23.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện tiến hành họp ĐHCĐ.
21. **Bổ sung Điều 23.6:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về các trường hợp cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ.
22. **Sửa Điều 24.1:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện để Nghị quyết ĐHCĐ được thông qua.
23. **Sửa đổi và bổ sung Điều 24.3 (ii):** Để quy định về hình thức gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời của cổ đông về Tập đoàn phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014.
24. **Sửa đổi và bổ sung Điều 25.1:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về Biên bản cuộc họp ĐHCĐ.
25. **Sửa đổi Điều 25.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
26. **Sửa đổi và bổ sung Điều 26:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về các trường hợp và thời hạn để cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHCĐ.
27. **Sửa Điều 27.1:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
28. **Sửa Điều 27.2:** Do Luật Doanh nghiệp 2014 không bắt buộc bầu thành viên HĐQT bằng phương thức bầu dồn phiếu như Luật Doanh nghiệp 2005.
29. **Bỏ Điều 27.4:** Để phù hợp với phương thức bầu thành viên HĐQT như quy định tại Điều 27.2.
30. **Sửa Điều 31.4:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014
31. **Sửa Điều 31.8:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014
32. **Sửa Điều 31.11:** Để phù hợp với thuật ngữ sử dụng trong Luật Doanh nghiệp 2014.
33. **Sửa Điều 31.12:** Để phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về các trường hợp thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.
34. **Sửa Điều 31.15:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về Biên bản họp HĐQT.
35. **Sửa Điều 33.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014
36. **Bổ sung Điều 33.7:** Để bổ sung và làm rõ hơn vai trò của thư ký Tập đoàn theo Luật Doanh nghiệp 2014 và hoạt động thực tế của Tập đoàn.
37. **Sửa Điều 35.4:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về các vấn đề có liên quan đến các hợp đồng, giao dịch phải được ĐHCĐ hoặc HĐQT thông qua.
38. **Sửa Điều 35.5:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
39. **Bổ sung Điều 38.2 (xvi) và 38.2(xvii):** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014

- về quyền và trách nhiệm của Ban kiểm soát.
40. **Sửa Điều 38.3:** Do Luật Doanh nghiệp 2014 không bắt buộc bầu Kiểm soát viên bằng phương thức bầu dồn phiếu như Luật Doanh nghiệp 2005.
  41. **Sửa đổi và bổ sung Điều 38.5:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát.
  42. **Sửa Điều 38.8:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
  43. **Sửa Điều 48:** Vì Luật Doanh nghiệp 2014 quy định doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp.
  44. **Sửa Điều 50.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
  45. **Sửa Điều 51.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
  46. **Sửa Điều 56.1:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.
  47. **Sửa Điều 57.1:** Điều chỉnh cho phù hợp.
  48. Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi nội dung các điều, khoản). Nội dung điều chỉnh này giao cho Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn rà soát, thực hiện.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Điều lệ của Tập đoàn được quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua Điều lệ mới của Tập đoàn bao gồm các điều khoản đã được sửa đổi, bổ sung. Điều lệ mới có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015 và thay thế cho Điều lệ hiện tại ký ngày 11/9/2013 và các bản sửa đổi, bổ sung kèm theo. Giao Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng Tập đoàn Vingroup.

(đã ký)

**Phạm Nhật Vượng**

*Ghi chú:* Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung thích hợp và trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định tại Đại hội.

**PHỤ LỤC**  
**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

ST T	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 1	<p>“<b>Công Ty Con</b>” là bất kỳ công ty nào mà trong đó Tập đoàn (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn Điều Lệ hoặc tổng số Cổ Phần phổ thông đã phát hành, (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị và TGD, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của công ty đó.</p>	<p>“<b>Công Ty Con</b>” là bất kỳ công ty nào mà trong đó Tập đoàn (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn Điều Lệ hoặc tổng số Cổ Phần phổ thông đã phát hành, <b>hoặc</b> (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp <b>quyết định</b> bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị và TGD, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của công ty đó.</p>	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014
		<p>“(các) <b>Cổ Đông</b>” có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào mà (i) tên của họ và các thông tin khác mà Pháp Luật yêu cầu được nêu trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Tập đoàn với tư cách là chủ sở hữu của các Cổ Phần và (ii) Cổ Phần của họ đã được thanh toán.</p>	<p>“(các) <b>Cổ Đông</b>” có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào <b>sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Tập đoàn</b> và tên của họ cùng các thông tin khác mà Pháp Luật yêu cầu được nêu trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Tập đoàn với tư cách là chủ sở hữu của các Cổ Phần.</p>	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014
		Chưa có định nghĩa “ <b>Kiểm soát viên</b> ” hoặc “ <b>KSV</b> ”	Bổ sung định nghĩa: “ <b>Kiểm soát viên</b> ” hoặc “ <b>KSV</b> ” có nghĩa là kiểm soát viên của Tập đoàn	Phù hợp với thuật ngữ sử dụng trong Luật Doanh nghiệp 2014

2.	Điều 3.1	Tên viết tắt: VINGROUP JSC	Tên viết tắt: VINGROUP	Cho phù hợp với tình hình thực tế và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn
3.	Điều 4.1 (ii)	Đầu tư và phát triển các dự án bất động sản, du lịch – khách sạn cao cấp, dịch vụ y tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao tại Việt Nam;	Đầu tư và phát triển các dự án bất động sản, du lịch – khách sạn cao cấp, dịch vụ y tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, <b>thương mại điện tử, bán lẻ, nông nghiệp</b> chất lượng cao tại Việt Nam;	Cho phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn.
4.	Điều 4.2	Chưa có các ngành nghề bổ sung	Bổ sung thêm các ngành nghề sau: 1. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng 2. Hoạt động tư vấn quản lý 3. Hoạt động của trụ sở văn phòng; 4. Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	Cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn
5.	Điều 7.3	Số cổ phần được quyền chào bán của Tập đoàn là tổng số cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định phát hành tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT sẽ	Số cổ phần được quyền chào bán của Tập đoàn là tổng số cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định <del>phát hành</del> <b>chào bán để huy động vốn</b> tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết	Phù hợp Luật Doanh

		<p>quyết định thời gian, phương thức, giá cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán. Giá của cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:</p> <p>(i) Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ trong Tập đoàn;</p> <p>(ii) Cổ phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được các Cổ Đông đại diện cho 75% cổ phiếu có quyền biểu quyết phê chuẩn; hoặc</p> <p>(iii) Cổ phần phát hành cho nhân viên theo Chương trình Phát hành Cổ Phần ưu đãi cho Nhân viên (ESOP) do ĐHCĐ phê chuẩn.</p> <p>(iv) Các trường hợp khác theo quyết định của ĐHCĐ.</p>	<p>của ĐHCĐ. HĐQT quyết định thời điểm phương thức và giá bán cổ phần <del>và số lượng cổ phần được quyền chào bán</del>. Giá bán cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:</p> <p>(v) Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ trong Tập đoàn;</p> <p>(vi) Cổ phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được các Cổ Đông đại diện cho 75% cổ phiếu có quyền biểu quyết phê chuẩn; hoặc</p> <p>(vii) Cổ phần phát hành cho nhân viên theo Chương trình Phát hành Cổ Phần ưu đãi cho Nhân viên (ESOP) do ĐHCĐ phê chuẩn.</p> <p>(viii) Các trường hợp khác theo <b>Nghi quyết</b> của ĐHCĐ.</p>	<p>nghị 2014</p>
6.	Điều 7.4	<p>Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, bất kỳ Cổ Phần phổ thông dự kiến phát hành nào sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần phổ thông mà Cổ Đông đó đang nắm giữ phù hợp với thủ tục quy định tại Điều 87 của Luật Doanh nghiệp. Việc chào bán phải được thể hiện bằng một thông báo nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, thời hạn hợp lý để Cổ Đông đăng ký mua (tối</p>	<p>Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, bất kỳ Cổ Phần phổ thông dự kiến phát hành nào sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần phổ thông mà Cổ Đông đó đang nắm giữ phù hợp với thủ tục quy định tại <del>Điều 87</del> <b>Điều 124</b> của Luật Doanh nghiệp. Việc chào bán phải được thể hiện bằng một thông báo nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, thời hạn hợp lý để Cổ Đông đăng ký</p>	<p>Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014</p>

		<p>thiếu hai mươi (20) ngày làm việc). Các Cổ Đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ thuộc quyền kiểm soát của HĐQT. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, nhưng không được với các điều kiện ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông, trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận hoặc trong trường hợp Cổ Phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.</p>	<p>mua (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) <b>chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần</b>. Các Cổ Đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ thuộc quyền kiểm soát của HĐQT. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, nhưng không được với các điều kiện ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông, trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận hoặc trong trường hợp Cổ Phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.</p>	
7.	Điều 8.2 (i)	<p>Tuân thủ Điều Lệ của Tập đoàn, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và quyết định của HĐQT ;</p>	<p>Tuân thủ Điều Lệ của Tập đoàn, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quyết định của HĐQT ;</p>	<p>Phù hợp thuật ngữ sử dụng trong Luật Doanh nghiệp 2014</p>
8.	Điều 8.4	<p>Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền của mình với tư cách là một Cổ Đông của Tập đoàn theo quy định của Pháp Luật; trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu đại diện bởi mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền và một Đại Diện Theo Ủy Quyền của một Cổ Đông tổ chức có thể biểu quyết</p>	<p>Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền của mình với tư cách là một Cổ Đông của Tập đoàn theo quy định của Pháp Luật; trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu đại diện bởi mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền và một Đại Diện Theo Ủy Quyền của một Cổ Đông tổ chức có thể biểu quyết khác</p>	<p>Để làm rõ nguyên tắc xác định số cổ phần của mỗi đại diện theo ủy</p>

	<p>khác với một Đại Diện Theo Ủy Quyền khác của cùng một Cổ Đông đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Tập đoàn có quyền dựa vào thông tin trong giấy ủy quyền để thu xếp các hoạt động của Tập đoàn (bao gồm việc xác định số đại biểu tham dự tối thiểu cần thiết cho cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc biểu quyết để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ). Cổ Đông sẽ bị ràng buộc bởi việc thực hiện hoặc không thực hiện của Đại Diện Theo Ủy Quyền được chỉ định hợp lệ của mình và hạn chế về thẩm quyền nào đối với Đại Diện Theo Ủy Quyền sẽ ràng buộc Tập đoàn trừ trường hợp các giới hạn đó được quy định rõ trong giấy ủy quyền.</p> <p>a) Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền sẽ chỉ có hiệu lực nếu được thông báo bằng văn bản đến Tập đoàn ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước khi việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi này có hiệu lực. Trong giới hạn quy định bởi Pháp Luật, thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của Cổ Đông;</p> <p>(ii) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Tập đoàn;</p> <p>(iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;</p> <p>(iv) Số cổ phần Đại Diện Theo Ủy Quyền đó được Ủy quyền đại diện;</p>	<p>với một Đại Diện Theo Ủy Quyền khác của cùng một Cổ Đông đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ. <b><u>Trong trường hợp Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng Đại Diện Theo Ủy Quyền. Một Đại Diện Theo Ủy Quyền của một Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có thể biểu quyết khác với một Đại Diện Theo Ủy Quyền khác của cùng một Cổ Đông đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</u></b> Tập đoàn có quyền dựa vào thông tin trong giấy ủy quyền để thu xếp các hoạt động của Tập đoàn (bao gồm việc xác định số đại biểu tham dự tối thiểu cần thiết cho cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc biểu quyết để thông qua các <b><u>Nghị quyết</u></b> của ĐHĐCĐ). Cổ Đông sẽ bị ràng buộc bởi việc thực hiện hoặc không thực hiện của Đại Diện Theo Ủy Quyền được chỉ định hợp lệ của mình và mọi hạn chế về thẩm quyền <b><u>của Cổ Đông</u></b> đối với Đại Diện Theo Ủy Quyền <b><u>trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông</u></b> sẽ ràng buộc Tập đoàn <b><u>đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba</u></b> trừ trường hợp các giới hạn đó được quy định rõ trong giấy ủy quyền.</p> <p>a) Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền sẽ chỉ có hiệu lực nếu được thông báo bằng văn bản đến Tập đoàn ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước khi việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi này có hiệu lực. Trong giới hạn quy định bởi Pháp Luật, thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>quyền trong trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi đại diện theo ủy quyền và để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
--	--	---	---

		<p>(v) Thời hạn được ủy quyền của Đại Diện Theo Ủy Quyền; và</p> <p>vi) Họ, tên, và chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người được ủy quyền của họ và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông đó.</p> <p>b) Trong phạm vi quy định của Pháp Luật, Tập đoàn phải gửi thông báo về Đại Diện Theo Ủy Quyền được quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</p>	<p>(i) Tên, <b>mã số doanh nghiệp</b>, địa chỉ <b>tru sở chính</b> thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của Cổ Đông;</p> <p>(ii) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Tập đoàn;</p> <p>iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <b>Thẻ căn cước công dân</b>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;</p> <p>iv) Số cổ phần Đại Diện Theo Ủy Quyền đó được Ủy quyền đại diện;</p> <p>v) Thời hạn được ủy quyền của Đại Diện Theo Ủy Quyền, <b>trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền</b>; và</p> <p>(x) Họ, tên, và chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền <del>hoặc người được ủy quyền của họ</del> và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông đó.</p> <p>Trong phạm vi quy định của Pháp Luật, Tập đoàn phải gửi thông báo về Đại Diện Theo Ủy Quyền được quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</p>	
9.	Điều 10.2 (iii)	Được ưu tiên mua cổ phần mới phát hành của Tập đoàn theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình trong Tập đoàn;	Được ưu tiên mua cổ phần mới phát hành <b>mới chào bán</b> của Tập đoàn theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình trong Tập đoàn;	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014

10.	Điều 10.3	<p>Một Cổ Đông hoặc nhóm các Cổ Đông nắm giữ hơn 10% tổng số Cổ Phần phổ thông liên tục từ sáu (6) tháng trở lên ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 10.2 và 10.4 của Điều này còn có các quyền sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Đề cử thành viên vào HĐQT và BKS;</li> <li>(ii) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ Đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;</li> <li>(iii) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm chuẩn bị theo mẫu của Chế độ Kế toán Việt Nam và IFRS và các báo cáo của BKS;</li> <li>(iv) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại Điều 79.3 Luật Doanh nghiệp;</li> <li>(v) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của Điều 79.2(d) Luật Doanh nghiệp; và</li> <li>(vi) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</li> </ul>	<p>Một Cổ Đông hoặc nhóm các Cổ Đông nắm giữ <del>hơn</del> <b>từ</b> 10% tổng số Cổ Phần phổ thông <b>trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất</b> liên tục từ sáu (6) tháng trở lên ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 10.2 và 10.4 của Điều này còn có các quyền sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Đề cử thành viên vào HĐQT và BKS;</li> <li>(ii) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ Đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;</li> <li>(iii) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm <del>chuẩn</del> <b>chuẩn</b> bị theo mẫu của <del>Chế độ</del> <b>Hệ thống</b> Kế toán Việt Nam và IFRS và các báo cáo của BKS;</li> <li>(iv) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại <del>Điều 79.3</del> <b>Điều 114.3</b> Luật Doanh nghiệp;</li> <li>(v) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của <del>Điều 79.2(d)</del> <b>Điều 114.2(d)</b> Luật Doanh nghiệp; và</li> <li>(vi) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</li> </ul>	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014
11.	Điều 10.4 (v)	<p>Không được rút vốn đã góp ra khỏi Tập đoàn dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tập đoàn hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn</p>	<p>Không được rút vốn đã góp ra khỏi Tập đoàn dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tập đoàn hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì <del>thành</del> <b>thành</b> viên HĐQT <b>Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong</b></p>	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014

		phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;	<b>Tập đoàn</b> và người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút <b>và các thiệt hại xảy ra;</b>	
12.	Điều 12.2	Mọi chứng chỉ cổ phiếu sẽ được phát hành với chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tập đoàn, theo hình thức phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu nêu rõ số lượng, loại cổ phần và số tiền đã thanh toán cổ phần đó, tên của Cổ Đông và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.	Mọi chứng chỉ cổ phiếu sẽ được phát hành với chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tập đoàn <b>(nếu có)</b> , theo hình thức phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu nêu rõ số lượng, loại cổ phần và số tiền đã thanh toán cổ phần đó, tên của Cổ Đông và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014
13.	Điều 12.5	Nếu chứng chỉ Cổ phiếu bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy, một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ Phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó, với điều kiện là người đó phải nộp lại cho Tập đoàn chứng chỉ cổ phiếu cũ, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện đặt ra liên quan về chứng cứ và bồi hoàn, và (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phải chịu chi phí của Tập đoàn theo quyết định của HĐQT. Người nắm giữ chứng chỉ Cổ phiếu có trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản, giữ gìn giấy chứng nhận. Tập đoàn không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo của chứng chỉ cổ phiếu đó.	Nếu chứng chỉ Cổ phiếu bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy, một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ Phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó, với điều kiện là người đó phải nộp lại cho Tập đoàn chứng chỉ cổ phiếu cũ, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện đặt ra liên quan về chứng cứ và bồi hoàn, và (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phải chịu chi phí của Tập đoàn theo <b>Nghi quyết</b> của HĐQT. Người nắm giữ chứng chỉ Cổ phiếu có trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản, giữ gìn giấy chứng nhận. Tập đoàn không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo của chứng chỉ cổ phiếu đó. <b><u>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam (10.000.000 VNĐ), chủ sở hữu cổ phiếu phải đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất,</u></b>	Để Phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về trách nhiệm của Chủ sở hữu cổ phiếu khi cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại

			<b><u>bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Tập đoàn cấp cổ phiếu mới.</u></b>	hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác.
14.	Điều 12.7	Liên quan tới Cổ Phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng chỉ cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ Phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 82 và 83 Luật Doanh Nghiệp.	Liên quan tới Cổ Phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng chỉ cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ Phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của <del>Điều 82</del> <b><u>Điều 117</u></b> và <del>83</del> <b><u>Điều 118</u></b> Luật Doanh Nghiệp.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014
15.	Điều 20.2 (iii)	Khi số lượng thành viên HĐQT ít hơn số lượng quy định bởi Pháp luật hoặc ít hơn một nửa (1/2) số lượng quy định tại Điều Lệ này;	Khi số lượng thành viên HĐQT, <b><u>BKS</u></b> ít hơn số lượng quy định bởi Pháp luật hoặc <b><u>số lượng HĐQT</u></b> ít hơn một nửa (1/2) số lượng quy định tại Điều Lệ này;	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014
16.	Điều 20.2 (v)	BKS yêu cầu triệu tập họp nếu có lý do tin rằng thành viên của HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại Điều 108 Luật Doanh Nghiệp hoặc HĐQT đã hành động hoặc có ý định hành động vượt quyền hạn cho phép. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu trên	BKS yêu cầu triệu tập họp nếu có lý do tin rằng thành viên của HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại <del>Điều 108</del> <b><u>Điều 149</u></b> Luật Doanh Nghiệp hoặc HĐQT đã hành động hoặc có ý định hành động vượt quyền hạn cho phép. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu trên	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014
17.	Điều 22.2	Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ phải thực hiện các công việc sau: (i) Chuẩn bị danh sách các Cổ Đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ; chương trình họp, và các tài liệu cần thiết theo quy định Pháp Luật và Điều	Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ phải thực hiện các công việc sau: (i) Chuẩn bị danh sách các Cổ Đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại Đại hội <b><u>không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ</u></b> <del>trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành</del>	Để phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 về trách

		<p>Lệ này;</p> <p>(ii) Xác nhận thời gian và địa điểm họp; và</p> <p>(iii) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.</p>	<p>ĐHĐCĐ; chương trình họp, và các tài liệu cần thiết theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ này;</p> <p><b><u>(ii) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;</u></b></p> <p><b><u>(iii) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</u></b></p> <p><b><u>(iv) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</u></b></p> <p><b><u>(v) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</u></b></p> <p>(vi) Xác nhận thời gian và địa điểm họp; và</p> <p>(vii) Thông báo và gửi thông báo <b>mời</b> họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.</p>	<p>nhiệm của người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>
18.	Điều 22.3	<p>Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo có thể gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến địa chỉ của Cổ Đông hoặc tới địa chỉ mà Cổ Đông đó đăng ký nhận thông báo. Nếu một Cổ Đông đã thông báo với Tập đoàn bằng văn bản về một số fax hoặc địa chỉ thư điện tử mà Cổ Đông đó muốn nhận được thông báo, thì thông báo sẽ được gửi tới số fax hoặc thư điện tử đó. Đối với các Cổ Đông làm việc tại Tập đoàn, thì thông báo có thể được gửi cho mỗi Cổ Đông đó trong phong bì dán kín tại nơi làm việc của họ. Thông báo về cuộc họp ĐHĐCĐ phải được gửi tới các Cổ Đông, niêm yết trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn và được thông báo trên trang thông tin điện tử của các Sở</p>	<p>Thông báo <b>mời</b> họp ĐHĐCĐ phải <del>bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo có thể gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến địa chỉ của Cổ Đông hoặc tới địa chỉ mà Cổ Đông đó đăng ký nhận thông báo. Nếu một Cổ Đông đã thông báo với Tập đoàn bằng văn bản về một số fax hoặc địa chỉ thư điện tử mà Cổ Đông đó muốn nhận được thông báo, thì thông báo sẽ được gửi tới số fax hoặc thư điện tử đó. Đối với các Cổ Đông làm việc tại Tập đoàn, thì thông báo có thể được gửi cho mỗi Cổ Đông đó trong phong bì dán kín tại nơi làm việc của họ</del> <b><u>có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ Đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</u></b></p>	<p>Để phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 về việc gửi các tài liệu họp ĐHĐCĐ.</p>

		<p>Giao Dịch Chứng Khoán ít nhất mười (10) ngày làm việc (không bao gồm ngày thông báo và ngày tiến hành cuộc họp) (hoặc ít nhất mười lăm (15) ngày trong trường hợp thời hạn mười (10) ngày làm việc nói trên ít hơn mười lăm (15) ngày) trước ngày tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo sẽ được công bố một tờ báo trung ương hoặc địa phương tại nơi đặt trụ sở của Tập đoàn.</p>	<p><b><u>Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ Đông có quyền dự họp đồng thời đăng</u></b> <del>báo về cuộc họp ĐHĐCĐ</del> <b><u>phải được gửi tới các Cổ Đông niêm yết trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn và được thông báo trên trang thông tin điện tử của các Sở Giao Dịch Chứng Khoán ít nhất mười (10) ngày làm việc (không bao gồm ngày thông báo và ngày tiến hành cuộc họp) (hoặc ít nhất mười lăm (15) ngày trong trường hợp thời hạn mười (10) ngày làm việc nói trên ít hơn mười lăm (15) ngày) trước ngày tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo sẽ được công bố một tờ báo trung ương hoặc địa phương tại nơi đặt trụ sở của Tập đoàn.</u></b></p> <p><b><u>Các tài liệu họp kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn bao gồm: (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; (ii) Phiếu biểu quyết; và (iii) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu họp. Tập đoàn sẽ gửi tài liệu họp cho Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu.</u></b></p>	
19.	Điều 23.1	<p>Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì cuộc họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT</p>	<p>Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì cuộc họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT</p>	<p>Đề phù hợp Luật Doanh nghiệp</p>

		<p>chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p>	<p>chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội. <b><u>Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</u></b> Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p>	<p>2014 về việc bầu chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>
20.	Điều 23.2	<p>ĐHĐCĐ được coi là triệu tập họp lệ khi có số Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết có mặt. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, Đại hội phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% Cổ Phần có quyền biểu quyết. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba phải có thể được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay đại diện ủy</p>	<p>ĐHĐCĐ được coi là triệu tập họp lệ khi có số Cổ Đông đại diện cho ít nhất <del>65%</del> <b>51%</b> tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết có mặt. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, Đại hội phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất <del>51%</del> <b>33% tổng số</b> Cổ Phần có quyền biểu quyết. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ</p>	<p>Để phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ.</p>

		quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	Đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	
21.	Điều 23.6	Không quy định	<b><u>Ngoài các trường hợp như quy định nêu trên, Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này trong trường hợp Cổ Đông bỏ phiếu thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử</u></b>	Để phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 về các trường hợp cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ
22.	Điều 24.1	ĐHĐCĐ thông qua mọi quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến các Cổ Đông bằng văn bản. (i) Trừ trường hợp quy định tại các Khoản (ii) và (iii) dưới đây, các quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của	ĐHĐCĐ thông qua mọi <b><u>Nghi quyết</u></b> bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến các Cổ Đông bằng văn bản. (i) Trừ trường hợp quy định tại các Khoản (ii) và (iii) dưới đây, các Nghi quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ <del>65%</del> <b><u>51%</u></b> trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất <b><u>51%</u></b> <del>75%</del> tổng số phiếu	Để phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện thông qua Nghị quyết

	<p>các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).</p> <p>(ii) Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).</p> <p>(A) Loại và số lượng Cổ Phần chào bán, chuyển nhượng của từng loại;</p> <p>(B) Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Tập đoàn;</p> <p>(C) Quyết định chuyển nhượng trên 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ sách kế toán Tập đoàn; và</p> <p>(D) Tổ chức lại hoặc giải thể Tập đoàn.</p> <p>(iii) Đối với quyết định của ĐHĐCĐ về việc hủy niêm yết cổ phiếu của Tập đoàn trên các Sở Giao Dịch Chứng Khoán nước ngoài (bao gồm cả SGX-ST), quyết định đó sẽ được thông qua khi tất cả các điều kiện sau đây được đáp ứng:</p> <p>(A) Tập đoàn triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ để thông qua việc hủy niêm yết cổ phiếu của Tập đoàn trên các Sở Giao Dịch Chứng Khoán nước ngoài (bao gồm cả SGX-ST);</p> <p>(B) có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ đồng ý đối</p>	<p>bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).</p> <p>(ii) Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% <b>65%</b> trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất <del>75%</del> <b>51%</b> tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).</p> <p>(A) Loại và số lượng Cổ Phần chào bán, chuyển nhượng của từng loại;</p> <p><b><u>B) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u></b></p> <p><b><u>C) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Tập đoàn;</u></b></p> <p>(D) Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Tập đoàn;</p> <p>(C) <del>Quyết định chuyển nhượng trên 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ sách kế toán Tập đoàn; và</del></p> <p><b><u>E) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;</u></b></p> <p>(F) Tổ chức lại hoặc giải thể Tập đoàn.</p> <p>(iii) Đối với <b><u>Nghị quyết</u></b> của ĐHĐCĐ về việc hủy niêm yết cổ phiếu của Tập đoàn trên các Sở Giao Dịch Chứng Khoán nước ngoài (bao gồm cả SGX-ST), <b><u>Nghị quyết</u></b> đó sẽ được thông qua khi tất cả các điều kiện sau đây được đáp ứng:</p> <p>(D) Tập đoàn triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ để thông qua việc</p>	<p>ĐHĐCĐ.</p>
--	--	--	---------------

		<p>với việc hủy niêm yết cổ phiếu;</p> <p>(C) các Cán Bộ Quản Lý và Cổ Đông Lớn của Tập đoàn không bỏ phiếu trắng đối với việc hủy niêm yết cổ phiếu; và</p> <p>(D) không có từ 10% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ phản đối đối với việc hủy niêm yết cổ phiếu.</p>	<p>hủy niêm yết cổ phiếu của Tập đoàn trên các Sở Giao Dịch Chứng Khoán nước ngoài (bao gồm cả SGX-ST);</p> <p>(E) có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ đồng ý đối với việc hủy niêm yết cổ phiếu;</p> <p>(F) các Cán Bộ Quản Lý và Cổ Đông Lớn của Tập đoàn không bỏ phiếu trắng đối với việc hủy niêm yết cổ phiếu; và</p> <p>(D) không có từ 10% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ phản đối đối với việc hủy niêm yết cổ phiếu.</p>	
23.	Điều 24.3 (ii)	<p>Trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tập đoàn, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ</li> </ul>	<p><b><u>Không phụ thuộc vào Điều 145 Luật Doanh nghiệp,</u></b> trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Chủ tịch HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tập đoàn, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <b><u>Thẻ căn cước công dân,</u></b> Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp</li> </ul>	<p>Để quy định về hình thức gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời của cổ đông về Tập đoàn phù hợp Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>chức; số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Tập đoàn; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu khác có liên quan cho tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết;</li> <li>▪ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức;</li> <li>▪ Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</li> <li>▪ Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tập đoàn; Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách</li> </ul>	<p>của Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức; số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Tập đoàn; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Gửi phiếu lấy ý kiến <del>cùng với các tài liệu</del> <b><u>bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ Đông có quyền lấy ý kiến văn bản cho tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn ít nhất mười (10) ngày làm việc (không bao gồm ngày thông báo và ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến) (hoặc ít nhất mười lăm (15) ngày trong trường hợp thời hạn mười (10) ngày làm việc nói trên ít hơn mười lăm (15) ngày) trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Các tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn bao gồm: (i) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; (ii) Các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu. Tập đoàn sẽ gửi tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến cho Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu.</u></b></li> </ul>	2014
--	---	---	------

	<p>nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các Cổ Đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</li> <li>▪ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ <del>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức;</del></li> <li>▪ <b><u>Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Tập đoàn theo một trong các hình thức sau đây:</u></b></li> <li>▪ <b><u>Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</u></b></li> <li>▪ <b><u>Gửi fax hoặc thư điện tử đăng ký chính thức của Tập đoàn: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u></b></li> <li>▪ Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự <del>chứng kiến</del> <b>giám sát</b> của đại diện BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tập đoàn; <del>Các thành viên HĐQT,</del> <b>người kiểm phiếu</b> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu</li> </ul>	
--	---	---	--

			<p>trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, <del>và gửi đến các Cổ Đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</del></li> <li>▪ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn;</li> </ul>	
24.	Điều 25.1	<p>Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lưu trong sổ Biên bản của Tập đoàn. Biên bản phải có các thông tin cơ bản sau:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKDN của Tập đoàn;</p> <p>(ii) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;</p> <p>(iii) Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ;</p> <p>(iv) Chủ tọa và thư ký;</p> <p>(v) Tóm tắt diễn biến và các ý kiến nêu ra tại cuộc họp ĐHĐCĐ;</p> <p>(vi) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại buổi họp, số lượng các phiếu nhất trí, phiếu không nhất trí, phiếu không có ý kiến, và các vấn đề được thông qua;</p> <p>(vii) Tổng số phiếu của các Cổ Đông có mặt tại cuộc họp;</p> <p>(viii) Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề; và</p>	<p><b><u>Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tùy thuộc vào quyết định của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.</u></b></p> <p><del>Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lưu trong sổ Biên bản của Tập đoàn.</del> Biên bản phải có các thông tin cơ bản sau:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và <b><u>mã số doanh nghiệp</u></b> ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKDN của Tập đoàn;</p> <p>(ii) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;</p> <p>(iii) Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ;</p> <p>(iv) Chủ tọa và thư ký;</p> <p>(v) Tóm tắt diễn biến và các ý kiến nêu ra tại cuộc họp ĐHĐCĐ;</p> <p>(vi) <del>Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại buổi họp, số lượng các phiếu nhất trí, phiếu không nhất trí, phiếu không</del></p>	<p>Để phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 về Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>

		(ix) Tên đầy đủ, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.	<p><del>có ý kiến, và các vấn đề được thông qua;</del></p> <p>(vii) <b><u>Số Cổ Đông</u></b> và tổng số phiếu của các Cổ Đông có mặt tại cuộc họp, <b><u>phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</u></b></p> <p>(viii) Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề <b><u>biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;</u></b> và</p> <p>(ix) <b><u>Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng</u></b></p> <p>(x) Tên đầy đủ, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.</p>	
25.	Điều 25.2	Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các Cổ Đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản này sẽ được xem là minh chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có sự phản đối được đưa ra một cách hợp lệ đối với nội dung của biên bản họp trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt (trong trường hợp cần thiết có thể được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài) có đầy đủ chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp, và được soạn thảo phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này. Biên bản, các ghi chép, sổ ký nhận của các Cổ	Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <del>và gửi cho tất cả các Cổ Đông trong vòng mười lăm (15) ngày</del> <b><u>kể từ ngày</u></b> cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản này sẽ được xem là minh chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có sự phản đối được đưa ra một cách hợp lệ đối với nội dung của biên bản họp trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt (trong trường hợp cần thiết có thể được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài) có đầy đủ chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp, và được soạn thảo phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này. Biên bản, các ghi chép, sổ ký nhận	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014

		Đông và đại diện ủy quyền của họ tham dự buổi họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.	của các Cổ Đông và đại diện ủy quyền của họ tham dự buổi họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.	
26.	Điều 26	Các Cổ Đông, thành viên HĐQT, TGD, BKS có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều 107, Luật Doanh Nghiệp. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.	<b><u>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.3 của Điều Lệ</u></b> này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <b><u>Nghi quyết</u></b> của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của <del>Điều 107</del> <b><u>Điều 147</u></b> Luật Doanh Nghiệp. <b><u>Trong trường hợp này các Nghi quyết của ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u></b> Trường hợp <b><u>Nghi quyết</u></b> của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.	Đề phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 về các trường hợp và thời hạn để cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết ĐHĐCĐ.
27.	Điều 27.1	Số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 11 người (hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp luật tại từng thời điểm). Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Tập đoàn hoặc có quốc tịch Việt Nam hoặc cư trú tại Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điều 110 Luật Doanh Nghiệp. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (5) năm. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số	Số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn <b><u>ba (3)</u></b> người và không nhiều hơn mười một (11) người (hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp luật tại từng thời điểm). Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Tập đoàn hoặc có quốc tịch Việt Nam hoặc cư trú tại Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điều 110 Luật Doanh Nghiệp. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (5) năm. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014

		thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	
28.	Điều 27.2	Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ Phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một (1) hoặc một số ứng cử viên	Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu <b><u>phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do ĐHCĐ phê duyệt tùy từng thời điểm.</u></b> <del>theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ Phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một (1) hoặc một số ứng cử</del>	Do Luật Doanh nghiệp 2014 không bắt buộc bầu thành viên HĐQT bằng phương thức bầu dồn phiếu như Luật Doanh nghiệp 2005.
29.	Điều 27.4	Các Cổ Đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT theo quy định của Pháp luật. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (2) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (3) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (4) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông	Bỏ khoản này	Cho phù hợp với phương thức bầu phổ thông đầu phiếu

		qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tập đoàn quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.		
30.	Điều 31.4	Các cuộc họp HĐQT quy định tại Điều 31.3 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu họp HĐQT. Nếu Chủ tịch không triệu tập họp thì người yêu cầu tại khoản 31.3 Điều này có quyền tự mình triệu tập họp HĐQT.	Các cuộc họp HĐQT quy định tại Điều 31.3 phải được tiến hành trong thời hạn <del>mười lăm (15)</del> <b>bảy (07)</b> ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu họp HĐQT. Nếu Chủ tịch không triệu tập họp thì người yêu cầu tại khoản 31.3 Điều này có quyền tự mình triệu tập họp HĐQT.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014
31.	Điều 31.8	Số thành viên tham dự tối thiểu. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.	Số thành viên tham dự tối thiểu. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có <del>ít nhất từ</del> <b>tổng</b> ba phần tư (3/4) <b>tổng</b> số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <del>mười lăm (15)</del> <b>bảy (07)</b> ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014
32.	Điều 31.11	Biểu quyết đa số. HĐQT sẽ thông qua nghị quyết và ra quyết định theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT tham dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì Chủ tịch HĐQT sẽ có một lá phiếu quyết định.	Biểu quyết đa số. HĐQT sẽ thông qua <del>nghị quyết</del> và ra Nghị quyết <del>định</del> theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT tham dự họp <b>trừ trường hợp bất nhiệm TGD như được quy định tại Điều 33.5 của Điều Lệ này</b> . Trường hợp số phiếu tán	Đề phù hợp với thuật ngữ sử dụng

			thành và phản đối ngang bằng nhau, thì <del>Chủ tịch HĐQT sẽ có một lá phiếu quyết định</del> quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.	trong Luật Doanh nghiệp 2014
33.	Điều 31.12	Việc bỏ phiếu của người vắng mặt. Các thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được gửi tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký của Chủ tịch ít nhất một (1) tiếng trước thời gian quy định tại buổi họp.	Việc bỏ phiếu của người vắng mặt. Các thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu <b><u>thông qua thư, fax, thư điện tử</u></b> . Những phiếu bằng văn bản phải được gửi tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký của Chủ tịch, <b><u>những phiếu thông qua fax, thư điện tử phải được gửi đến hòm thư chính thức hoặc số fax chính thức của Tập đoàn</u></b> ít nhất một (1) tiếng trước thời gian quy định tại buổi họp.	Để phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về các trường hợp thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.
34.	Điều 31.15	Biên bản cuộc họp. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến	Biên bản cuộc họp. <b><u>Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác</u></b> . Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải	Để phù hợp với quy định của Luật

		phân đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt, và phải được ký nhận bởi tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp, trừ trường hợp thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp HĐQT sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài.	được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt, và phải được ký nhận bởi tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp, trừ trường hợp thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp HĐQT sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài.	Doanh nghiệp 2014 về Biên bản họp HĐQT.
35.	Điều 33.2	Nhiệm kỳ. TGD không nhất thiết phải là Chủ tịch HĐQT. Nhiệm kỳ của TGD là ba (3) năm, trừ khi được quy định khác bởi HĐQT và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực theo quy định trong hợp đồng lao động. TGD phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn điều kiện tại Điều 116.2 Luật Doanh Nghiệp;	Nhiệm kỳ. TGD không nhất thiết phải là Chủ tịch HĐQT. Nhiệm kỳ của TGD là ba (3) năm, trừ khi được quy định khác bởi HĐQT và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực theo quy định trong hợp đồng lao động. TGD phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn điều kiện tại Điều <del>116.2</del> <u>157</u> Luật Doanh Nghiệp;	Đề phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014
36.	Điều 33.7	HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một (1) người làm Thư ký Tập đoàn với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một (1) hay nhiều trợ lý Thư ký Tập đoàn tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tập đoàn bao gồm: a. Chuẩn bị cho các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS; b. Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;	HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một (1) người làm Thư ký Tập đoàn với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một (1) hay nhiều trợ lý Thư ký Tập đoàn tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tập đoàn bao gồm: a. Chuẩn bị cho các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS; b. Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;	Đề bổ sung và làm rõ hơn vai trò của thư ký Tập đoàn theo Luật Doanh nghiệp 2014 và hoạt động

		<p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Đảm bảo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với luật pháp;</p> <p>e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.</p> <p>Thư ký Tập đoàn có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Tập đoàn.</p>	<p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Đảm bảo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với luật pháp;</p> <p>e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và KSV.</p> <p><b><u>f. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;</u></b></p> <p><b><u>g. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tập đoàn;</u></b></p> <p><b><u>h. Hỗ trợ Tập đoàn trong xây dựng quan hệ Cổ Đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ Đông;</u></b></p> <p><b><u>i. Hỗ trợ Tập đoàn trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.</u></b></p> <p><b><u>j. Các quyền và nghĩa vụ khác tùy vào quyết định của Chủ tịch HĐQT tại từng thời điểm.</u></b></p> <p>Thư ký Tập đoàn có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Tập đoàn.</p>	<p>thực tế của Tập đoàn.</p>
37.	Điều 35.4	<p>Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tập đoàn với các đối tượng quy định tại điều 120 khoản 1 Luật Doanh Nghiệp sẽ không bị vô hiệu, nếu:</p> <p>a) Được HĐQT chấp thuận đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Tập đoàn. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp</p>	<p>Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tập đoàn với các đối tượng quy định tại <b><u>Điều 162.1</u></b> Luật Doanh Nghiệp sẽ không bị vô hiệu, nếu:</p> <p>a) Được HĐQT chấp thuận đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Tập đoàn. Trong trường hợp này, người đại diện <del>theo</del></p>	<p>Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về</p>

	<p>luật phải gửi đến các thành viên HĐQT; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Tập đoàn dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>b) Được ĐHĐCĐ chấp thuận đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Tập đoàn. Trong trường hợp này, HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Cổ Đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ Đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p>	<p><del>pháp luật</del> <b><u>Tập đoàn ký hợp đồng</u></b> phải gửi đến các thành viên HĐQT, <b><u>KSV về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó</u></b>; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Tập đoàn dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>b) Được ĐHĐCĐ chấp thuận đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Tập đoàn. <b><u>Trong trường hợp này, người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và KSV về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch.</u></b> HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Cổ Đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ Đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p>	<p>các vấn đề có liên quan đến các hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua.</p>
--	---	--	---

38.	Điều 35.5	Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản a và khoản b Điều 35.4 Điều Lệ này. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn, Cổ Đông, thành viên HĐQT hoặc TGD có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tập đoàn các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản a và khoản b Điều 35.4 Điều Lệ này. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn <b><u>ký kết hợp đồng</u></b> , Cổ Đông, thành viên HĐQT hoặc TGD có liên quan phải <b><u>liên đới</u></b> bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tập đoàn các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	Đề phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
39.	Bổ sung Điều 38.2 (xvi) và 38.2 (xvii)	Không quy định	(xvi) <b><u>Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn;</u></b> (xvii) <b><u>Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Tập đoàn.</u></b>	Đề phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về quyền và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.
40.	Điều 38.3	Cổ Đông nắm giữ tối thiểu đến 10% Cổ Phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (2) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (3) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn	<del>Cổ Đông nắm giữ tối thiểu đến 10% Cổ Phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (2) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (3) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn</del>	Do Luật Doanh nghiệp 2014 không bắt buộc bầu

		(4) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tập đoàn quy định tại quy chế của Tập đoàn. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.	<del>(4) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tập đoàn quy định tại quy chế của Tập đoàn. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.</del> <b><u>Việc biểu quyết bầu KSV được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ phê duyệt từ từng thời điểm.</u></b>	Kiểm soát viên bằng phương thức bầu dồn phiếu như Luật Doanh nghiệp 2005
41.	Điều 38.5	BKS sẽ có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó số thành viên độc lập sẽ chiếm trên 50% tổng số thành viên của BKS. Trong BKS phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là (i) nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn hoặc (ii) thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn. Thành viên BKS sẽ không cần có quốc tịch Việt Nam và/hoặc cư trú tại Việt Nam, tuy nhiên trong mọi trường hợp ít nhất một thành viên độc lập của BKS phải cư trú tại Singapore, đồng thời ít nhất ½ thành viên BKS phải cư trú tại Việt Nam. Các thành viên BKS không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, TGD và các Cán Bộ Quản Lý khác của Tập đoàn. Các ứng cử viên được bầu vào BKS phải đảm bảo các yêu cầu về	BKS sẽ có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó số thành viên độc lập sẽ chiếm trên 50% tổng số thành viên của BKS. <b><u>KSV phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp; (ii) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, TGD và Cán Bộ Quản Lý; (iii) Không được giữ chức vụ Cán Bộ Quản Lý; không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Tập đoàn; và (iv) là kiểm toán viên hoặc kế toán viên theo quy định của Pháp luật.</u></b> Trong BKS phải có ít nhất một thành viên không phải là (i) nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn hoặc (ii) thành viên hay nhân viên của	Đề phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và điều kiện của Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm

		<p>điều kiện và cơ chế lựa chọn thành viên BKS quy định cụ thể tại Quy chế bầu cử thành viên BKS được ĐHĐCĐ thông qua. BKS phải chỉ định một thành viên là Cổ Đông Tập đoàn làm Trưởng ban. Trưởng BKS là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là Trưởng BKS;</li> <li>(ii) Yêu cầu Tập đoàn cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS;</li> <li>(iii) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.</li> </ul>	<p>công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn. <b>KSV</b> sẽ không cần có quốc tịch Việt Nam và/hoặc cư trú tại Việt Nam, tuy nhiên trong mọi trường hợp ít nhất một <b>KSV</b> độc lập của BKS phải cư trú tại Singapore, đồng thời ít nhất ½ thành viên BKS phải cư trú tại Việt Nam. Các <b>KSV</b> không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, TGD và các Cán Bộ Quản Lý khác của Tập đoàn. Các ứng cử viên được bầu vào BKS phải đảm bảo các yêu cầu về điều kiện và cơ chế lựa chọn <b>KSV</b> quy định cụ thể tại Quy chế bầu cử <b>KSV</b> được ĐHĐCĐ thông qua. BKS phải chỉ định một thành viên là Cổ Đông Tập đoàn làm Trưởng ban. <del>Trưởng BKS là người có chuyên môn về kế toán</del> <b>phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tập đoàn.</b> Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là Trưởng BKS;</li> <li>(ii) Yêu cầu Tập đoàn cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS;</li> <li>(iii) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.</li> </ul>	soát.
42.	Điều 38.8	<p>Tư cách thành viên BKS bị chấm dứt trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Nếu thành viên đó bị Pháp luật cấm thực hiện vai trò thành viên BKS;</li> <li>(ii) Nếu thành viên đó từ chức và gửi thông báo tới trụ sở</li> </ul>	<p>Tư cách <b>KSV</b> bị chấm dứt trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Nếu thành viên đó bị Pháp luật cấm thực hiện vai trò thành <b>KSV</b>;</li> <li>(ii) Nếu thành viên đó từ chức và gửi thông báo tới trụ sở</li> </ul>	Để phù hợp với quy định của Luật

		<p>chính của Tập đoàn;</p> <p>(iii) Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS nhận thấy thành viên đó không đủ năng lực hành vi;</p> <p>(iv) Nếu thành viên đó trong mười hai tháng liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của BKS mà không được phép của BKS và BKS quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.</p> <p>(v) Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ Tập đoàn.</p>	<p>chính của Tập đoàn;</p> <p>(iii) Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS nhận thấy thành viên đó không đủ năng lực hành vi;</p> <p>(iv) Nếu thành viên đó trong <del>mười hai</del> sáu tháng (06) (12) liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của BKS mà không được phép của BKS và BKS quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.</p> <p>(v) Thành viên đó bị cách chức <b>KSV</b> theo quyết định của ĐHĐCĐ Tập đoàn.</p>	Doanh nghiệp 2014.
43.	Điều 48	<p>48.1 HĐQT sẽ quyết định thông qua Con dấu chính thức của Tập đoàn và HĐQT có thể xác định, phù hợp với quy định Pháp luật, nội dung của Con dấu.</p> <p>48.2 TGD Tập đoàn chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng Con dấu phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành.</p>	<p>48.1 HĐQT sẽ quyết định <del>thông qua</del> <b>sử dụng</b> Con dấu chính thức của Tập đoàn <b>tùy từng thời điểm</b> và HĐQT có thể xác định, phù hợp với quy định Pháp luật, nội dung của Con dấu.</p> <p>48.2 TGD Tập đoàn chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng Con dấu phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành.</p>	Luật Doanh nghiệp 2014 quy định doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp.

44.	Điều 50.2	Quyết định giải thể Tập đoàn trước thời hạn (hoặc gia hạn) phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện, và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin phê chuẩn nếu cần thiết. Thông báo này phải được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp.	<b>Nghị</b> quyết <del>định</del> giải thể Tập đoàn trước thời hạn (hoặc gia hạn) phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện, và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin phê chuẩn nếu cần thiết. Thông báo này phải được thực hiện phù hợp với quy định của Điều <del>158</del> <b>202</b> của Luật Doanh Nghiệp.	Đề phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
45.	Điều 51.2	Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn bằng một Nghị quyết có hiệu lực được các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65% số Cổ Phần phổ thông có quyền biểu quyết có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.	Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn bằng một Nghị quyết có hiệu lực được các Cổ Đông đại diện cho ít nhất <del>65</del> <b>51%</b> số Cổ Phần phổ thông có quyền biểu quyết có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.	Đề phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
46.	Điều 56.1	Việc sửa đổi và bổ sung Điều Lệ phải được xem xét và quyết định bởi các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 75% tổng giá trị cổ phần có quyền biểu quyết tham gia trực tiếp hoặc ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ hoặc được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Điều Lệ này.	Việc sửa đổi và bổ sung Điều Lệ phải được xem xét và quyết định bởi các Cổ Đông đại diện cho ít nhất <del>75%</del> <b>65%</b> tổng giá trị cổ phần có quyền biểu quyết tham gia trực tiếp hoặc ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ hoặc được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Điều Lệ này.	Đề phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.

47.	Điều 57.1	Điều Lệ này gồm 18 chương với 57 Điều là bản Điều Lệ hợp pháp và chính thức của Tập đoàn, thay thế các bản trước đây. Điều Lệ này được ĐHĐCĐ Tập đoàn thông qua <b>ngày 11 tháng 09 năm 2013</b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.	Điều Lệ này gồm 18 chương với 57 Điều là bản Điều Lệ hợp pháp và chính thức của Tập đoàn, thay thế các bản trước đây. Điều Lệ này được ĐHĐCĐ Tập đoàn thông qua <b><u>ngày tháng năm 2015</u></b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày <del>được ĐHĐCĐ thông qua</del> <b><u>01/07/2015</u></b>	Điều chỉnh cho phù hợp.
-----	--------------	---	---	-------------------------